

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ - ST

Ngày 06 /01/2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vàng A Lù
2. Ông Đỗ Văn Bách

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa : Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2021/TLST - HNGĐ ngày 17/11/2021 về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX ST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Lò Thị N trình bày: Chị và anh Hà Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2008 tại Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái, anh chị chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2012 thì anh L nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn, khi mâu thuẫn anh L còn đánh chị, do mâu thuẫn nên từ năm 2016 chị đã không ở cùng anh L nữa mà đi làm thuê, vợ chồng sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hà Thu D, sinh ngày 07/3/2009, hiện nay cháu đang ở cùng anh L và ông bà nội, cháu sinh sống và học tập tại xã T từ nhỏ đến nay. Sau ly hôn anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Hà Văn L trình bày: Anh và chị N sống chung với như vợ chồng từ tháng 11/2008 không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới theo phong tục. Đến năm 2017 thì chị N bỏ đi không nói năng gì với anh, anh từng sử dụng ma túy đến nay thì đã cai được. Nay chị N xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hà Thu D, sinh ngày 07/3/2009, sau ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Tại Biên bản hòa giải về con chung ngày 21/12/2021 chị N và anh L đã thống nhất thỏa thuận để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Thu D, sinh ngày 07/3/2009, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản hòa giải về con chung anh chị đã thỏa thuận để anh L nuôi dưỡng con chung, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hà Văn L là bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Chị Lò Thị N và anh Hà Văn L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Lò Thị N và anh Hà Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Hà Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2008 tại Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã T xác nhận chị Lò Thị N và anh Hà Văn L không đăng ký kết hôn nhưng có chung sống như vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc sống chung như vợ chồng của chị N và anh L không làm phát sinh

quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, yêu cầu của chị Lò Thị N được Hội đồng xét xử chấp nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Hà Văn L.

[4] Về con chung: Anh L và chị N có 01 con chung là Hà Thu D, sinh ngày 07/3/2009, hiện anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu D, trên bảy tuổi có nguyện vọng ở cùng bố. Anh L và chị N thỏa thuận để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, việc thỏa thuận của anh chị phù hợp với nhau, hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Hà Văn L.

2. Về con chung: Giao cho anh Hà Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Thu D, sinh ngày 07/3/2009, chị Lò Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000829 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị N, anh Hà Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh